

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 5- 2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngọc Linh

Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã Th, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

Bị đơn Ông Trần Văn M, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 9, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M trình bày: Tôi và ông Trần Văn M sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do ông M không lo làm

ăn, không còn quan tâm lo lắng chăm sóc, yêu thương vợ con. Tôi thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Trần Văn M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chung tôi có 01 con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/01/2020. Hiện nay con chung đang chung sống với tôi, được tôi nuôi dưỡng, khi ly hôn tôi nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Bị đơn ông Trần Văn M trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị Trà M sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm lo lắng chăm sóc, yêu thương, tin tưởng và tôn trọng nhau. Nay vợ tôi bà Nguyễn Thị Trà M làm đơn yêu cầu ly hôn tôi đồng ý ly hôn. Trong thời gian chung sống, chung tôi có 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/01/2020, hiện nay cháu Hân đang ở với bà Nguyễn Thị Trà M và được bà My nuôi dưỡng. Khi ly hôn tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trà M: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M và bị đơn ông Trần Văn M; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Trà M nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn M về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị Trà M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn M, cư trú tại ấp tổ 9, ấp Lòng Hồ, xã Tân Hưng, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Trà M, ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn đề nghị nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trà M thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Trà M và ông Trần Văn M tìm hiểu, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Trà M, ông Trần Văn M xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng không còn có tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng chăm sóc, yêu thương, tin tưởng và tôn trọng nhau, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn Thị Trà M và ông Trần Văn M thuận tình ly hôn, đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần ghi nhận.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Trà M trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến lúc trưởng thành tự lao động được.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ghi nhận nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn M về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung:* Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Đương sự khai không nợ ai và không ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà M

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trà M và Trần Văn M (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Trà M trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến lúc trưởng thành tự lao động được.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng của ông Trần Văn M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Đương sự khai không nợ ai và không ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trà M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà My đã nộp theo biên lai thu số 0013729 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND.Phường 11;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

DƯƠNG QUỐC THÀNH